

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2011/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26/4/2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 05/2004/TT-BTC ngày 30/01/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng thanh toán bằng nguồn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 154/2010/TT-BTC ngày 01/10/2010 về việc ban hành Quy chế tính giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ;

Căn cứ Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2471/STC-QLGCS ngày 24/12/2010 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 129/BC-STP ngày 13/7/2009 và số 177/BC-STP ngày 02/12/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp sản xuất kinh, doanh trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND
ngày 21/02/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về: Phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về giá; lập, thẩm định, trình phương án giá và quyết định giá; thực hiện bình ổn giá hàng hóa dịch vụ; hiệp thương giá; thẩm định giá; kiểm soát các yếu tố hình thành giá; đăng ký, kê khai giá hàng hóa dịch vụ và công khai thông tin về giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể gồm:

1. Các cơ quan quản lý nhà nước thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi;
2. Các doanh nghiệp, tổ chức, Hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân trong và ngoài nước hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh);
3. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về giá đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Ngãi khác với quy định tại Quyết định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

Điều 3. Thẩm quyền quản lý Nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

1. Tổ chức chỉ đạo thực hiện các chính sách, biện pháp quản lý giá và các quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành;

2. Quy định các chính sách quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

3. Quy định giá các loại hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh tại Điều 9 của Quy định này;

4. Quy định hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh;

5. Chỉ đạo công tác thẩm định giá và quản lý hoạt động thẩm định giá tại tỉnh Quảng Ngãi;

6. Chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

Điều 4. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của UBND các huyện, thành phố

1. Triển khai thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các chính sách, biện pháp quản lý giá và các quyết định giá do cấp có thẩm quyền ban hành, triển khai thực hiện công tác niêm yết giá, bình ổn giá trên địa bàn;

2. Tổ chức thu thập thông tin, báo cáo giá cả thị trường các loại hàng hoá, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn theo yêu cầu của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính;

3. Quyết định giá tài sản, hàng hoá, máy móc thiết bị được mua sắm, đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

4. Quyết định giá cho thuê đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn;

5. Phối hợp kiểm soát các yếu tố hình thành giá các hàng hoá, dịch vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính;

6. Tổ chức hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Sở Tài chính

1. Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, biện pháp quản lý, các quyết định giá của Trung ương và UBND tỉnh;

2. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh những chính sách, biện pháp quản lý giá trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các chính sách, biện pháp và các quyết định giá do UBND tỉnh ban hành;

3. Thẩm định phương án giá hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại Điều 9 của Quy định này;

4. Tổ chức thu thập, phân tích báo cáo, xử lý thông tin giá cả thị trường hàng hoá dịch vụ thiết yếu trên địa bàn huyện, thành phố theo yêu cầu của UBND tỉnh và Bộ Tài chính;

5. Tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu của hai bên mua bán; báo cáo UBND tỉnh ban hành quyết định giá mua bán tạm thời để hai bên mua bán thực hiện (nếu có);

6. Thực hiện kiểm soát các yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân khi phát hiện có dấu hiệu liên kết độc quyền về giá hoặc khi cần phải xem xét việc hình thành giá độc quyền; hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định bình ổn giá của UBND tỉnh;

7. Thực hiện hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đăng ký, kê khai giá hàng hoá, dịch vụ đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

8. Phối hợp với Sở Công thương hướng dẫn thực hiện công tác niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

9. Thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, xử lý và đề xuất xử lý việc chấp hành những quy định pháp luật về quản lý giá theo quy định của pháp luật;

10. Ban hành Quyết định giá cho thuê đất cụ thể đối với từng doanh nghiệp đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh;

11. Chủ trì Hội đồng định giá tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước do cơ quan cùng cấp ra quyết định tịch thu và tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở chuyển giao, bán đấu giá; Chủ trì Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh;

12. Tham gia định giá hàng viện trợ phi chính phủ, tài sản theo yêu cầu của Toà án tỉnh và Cơ quan thi hành án tỉnh (trừ bất động sản);

Điều 6. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh

1. Triển khai thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các chính sách, biện pháp quản lý giá và các quyết định giá do cấp có thẩm quyền quy định, các quy định về niêm yết giá, bình ổn giá;

2. Lập phương án giá, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án giá, lấy ý kiến thẩm định của các ngành có liên quan, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá danh mục hàng hoá, dịch vụ quy định tại Điều 9 Quy định này trước khi trình UBND tỉnh quyết định;

3. Quyết định giá những loại hàng hoá, dịch vụ do các đơn vị thuộc ngành quản lý có liên quan đến đời sống nhân dân, nhưng không thuộc danh mục định giá của UBND tỉnh và Sở Tài chính. Giám đốc các Sở đề xuất danh mục cụ thể trình UBND tỉnh quyết định;

4. Sở Xây dựng công bố giá các loại vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong các công trình xây dựng cơ bản;

5. Sở Y tế thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc chữa bệnh dùng cho người theo hướng dẫn của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công thương; Quản lý giá dịch

vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu, tiêm vaccine theo yêu cầu.

Điều 7. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, ban, ngành; các Hội đoàn thể và UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh

Thực hiện các chính sách, biện pháp quản lý giá và các quyết định giá do các cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và làm dịch vụ trong lĩnh vực giá

1. Quyền lợi:

a) Quyết định giá mua, giá bán hàng hoá, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Nhà nước;

b) Quyết định giá mua, giá bán hàng hoá, dịch vụ trong khung giá, giới hạn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

c) Khiếu nại quyết định về giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của mình;

d) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về giá;

đ) Yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

a) Lập phương án giá hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá báo cáo cơ quan quản lý ngành và thực hiện đúng mức giá đã được UBND tỉnh quyết định;

b) Cung cấp thông tin về giá, các quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Chấp hành các biện pháp của nhà nước nhằm bình ổn giá thị trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

d) Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Những tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo đầy đủ, trung thực chi phí sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ hàng hoá cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình lập và trình các phương án giá.

II. LẬP, THẨM ĐỊNH, TRÌNH PHƯƠNG ÁN GIÁ VÀ QUYẾT ĐỊNH GIÁ

Điều 9. Danh mục tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh và trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trong việc lập, thẩm định, trình phương án giá.

1. Giá cước vận chuyển:

a) Giá cước vận chuyển hành khách cộng cộng bằng xe buýt trong thành phố Quảng Ngãi, Khu công nghiệp, Khu kinh tế Dung Quất do Nhà nước tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách.

Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt xây dựng phương án giá cước vận chuyển hành khách cộng cộng bằng xe buýt trong thành phố, Khu công nghiệp, Khu kinh tế Dung Quất trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

b) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô:

Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị khai thác bến xe xây dựng phương án giá, trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

c) Giá cước vận chuyển hàng hoá làm căn cứ để: xác định mức trợ cước, trợ giá vận chuyển chi từ nguồn ngân sách nhà nước; Mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hoá được trợ giá, trợ cước vận chuyển; Giá cước vận chuyển cung ứng hàng hoá, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng xa và hải đảo.

Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương và các đơn vị có liên quan xác định giá cước vận chuyển hàng hoá trình UBND tỉnh quyết định.

2. Giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước để làm việc hoặc sử dụng vào các mục đích khác; giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội; giá cho thuê nhà ở công vụ;

Sở Xây dựng căn cứ khung giá hoặc giá bán, giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định và hướng dẫn của Bộ Xây dựng để lập phương án giá, trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính;

3. Giá nước sạch cho sinh hoạt và cho các mục đích khác

Các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh căn cứ quy định của Chính phủ, khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt và nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch do Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xây dựng phương án giá nước sạch trình UBND tỉnh phê duyệt phương án giá nước sạch và quyết định ban hành biểu giá nước sạch sau khi có ý kiến của Sở Xây dựng (đối với nước sạch đô thị); Sở Nông

ngiệp và Phát triển nông thôn (đối với nước sạch sinh hoạt tại nông thôn) và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

4. Giá các loại đất

a) Giá đất công bố và áp dụng vào ngày 01 tháng 01 hàng năm:

Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ thẩm định bảng giá đất đến Sở Tài chính hoặc Hội đồng thẩm định bảng giá đất để thẩm định và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện dự thảo bảng giá đất trình UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Giá đất để thu tiền sử dụng đất nơi tái định cư do UBND các huyện, thành phố xây dựng gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi Quyết định.

c) Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất do Chủ đầu tư dự án xây dựng hoặc ký hợp đồng với tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định theo nguyên tắc bảo đảm phù hợp với giá thị trường gửi Sở Tài chính thẩm định để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

d) Giá giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất của tổ chức do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định hoặc thẩm định (trong trường hợp thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá xác định giá) để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Giá cho thuê mặt nước

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan xác định trình UBND tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể;

6. Giá cho thuê đất

Trên cơ sở các quy định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính trình UBND tỉnh Quyết định đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Giá cho thuê đất đối với tổ chức do Sở Tài chính quyết định cho từng dự án cụ thể.

7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện theo đơn đặt hàng, giao kế hoạch; Giá hàng hoá, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của UBND tỉnh thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không qua hình thức đấu giá;

Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực căn cứ vào các quy định về quản lý giá và các quyết định giá của các cơ quan có thẩm quyền, đề xuất, trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan, ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

8. Giá các loại vật tư, hàng hoá cấp không thu tiền cho các đối tượng được hưởng chính sách trợ giá (nếu có);

Các đơn vị được giao cung cấp vật tư, hàng hoá xây dựng phương án giá báo

cáo Sở chuyên ngành (Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...) trình UBND tỉnh sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

9. Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng cụ thể

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng do Chính phủ quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tình hình thực tế tại tỉnh Quảng Ngãi xây dựng phương án giá và dự thảo Quyết định ban hành Quy định giá rừng và giá cho thuê các loại rừng, trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

10. Giá bồi thường nhà, các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc do Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng gửi Sở Tài chính có ý kiến tham gia để tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định.

b) Giá bồi thường cây cối, hoa màu do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng gửi Sở Tài chính có ý kiến tham gia để tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 10. Hồ sơ phương án giá và nội dung giải trình phương án giá

1. Hồ sơ phương án định giá hoặc điều chỉnh giá (sau đây gọi chung là hồ sơ phương án giá) bao gồm:

a) Công văn đề nghị UBND tỉnh quyết định giá, điều chỉnh giá;

b) Bản giải trình phương án giá (bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá và thuyết minh về cơ cấu tính giá);

c) Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan (kèm theo bản sao ý kiến của các cơ quan);

d) Văn bản thẩm định phương án giá của Sở Tài chính;

đ) Các tài liệu liên quan khác.

2. Nội dung bản giải trình phương án giá thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá (sau đây viết tắt là Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính).

3. Hồ sơ phương án giá thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 4 ban hành kèm Quy

định này.

Điều 11. Trình tự, thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá

1. Trình, thẩm định và lấy ý kiến về nội dung phương án giá

Phương án giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh do Sở quản lý ngành, lĩnh vực trình, sau khi có ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

2. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá

a) Thời hạn thẩm định phương án giá:

Sở Tài chính phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định.

b) Thời hạn quyết định giá:

Thời hạn quyết định giá tối đa không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan liên quan và văn bản thẩm định của Sở Tài chính.

III. THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ

Điều 12. Điều kiện và danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá do UBND tỉnh và các biện pháp thực hiện

1. Điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

2. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá quy định tại Phụ lục số 1 của Quy định này.

3. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các biện pháp thực hiện bình ổn giá theo quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều 2 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền thực hiện tại địa phương.

2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 19 của Quy định này; Thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp

luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan như: kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng hóa và dịch vụ theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định, theo giá niêm yết; việc đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá (theo thẩm quyền), phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Pháp lệnh Giá và các quy định của pháp luật có liên quan; kiểm tra việc chấp hành các biện pháp bình ổn giá;

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: Quản lý thị trường, Sở Công thương, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan, Công an tỉnh... kiểm tra, thanh tra và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các hiện tượng độc quyền, liên minh độc quyền, cạnh tranh không đúng pháp luật về giá, lợi dụng chủ trương điều hành giá của Nhà nước, lợi dụng sự biến động của thị trường, tình hình thiên tai, dịch bệnh để tăng giá, ép giá bất hợp lý;

4. Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và công bố áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước thuộc UBND tỉnh

Căn cứ danh mục hàng hoá, dịch vụ và điều kiện thực hiện bình ổn giá, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Công thương chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá, bán theo giá niêm yết, phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Pháp lệnh Giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

Theo dõi diễn biến giá các loại hàng hoá tiêu dùng như: xăng, dầu, khí hoá lỏng, sữa, đường ăn,... kịp thời báo cáo và phối hợp với Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh biện pháp bình ổn giá;

2. Sở Xây dựng theo dõi diễn biến giá vật liệu xây dựng kịp thời báo cáo và phối hợp với Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh biện pháp bình ổn giá;

3. Sở Y tế theo dõi diễn biến giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người, kịp thời báo cáo và phối hợp với Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh biện pháp bình ổn giá;

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi diễn biến giá thóc (lúa), gạo tẻ thường, thức ăn chăn nuôi gia súc, phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, kịp thời báo cáo và phối hợp với Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh biện pháp bình ổn giá;

5. Định kỳ hàng tháng và khi có yêu cầu đột xuất quyết định thực hiện bình ổn giá của UBND tỉnh, Cục Hải quan tỉnh gửi bản thống kê giá hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu về Sở Tài chính .

Điều 15. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ trưởng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Khi cần thiết và theo yêu cầu của Sở Tài chính, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo và cung cấp hồ sơ về chi phí sản xuất và các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hoá dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá

IV. HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 16 . Trường hợp có yêu cầu hiệp thương giá của các tổ chức, cá nhân thì thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

V. THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 17. Thẩm định giá

1. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá bao gồm:

- a) Tài sản được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước có giá trị đơn chiếc từ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trở lên hoặc mua một lần cùng một loại tài sản với số lượng lớn có giá trị từ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trở lên;
- b) Tài sản của Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác có giá trị từ 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng trở lên;
- c) Tài sản của doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn, cổ phần hóa, giải thể và các hình thức chuyển đổi khác có giá trị từ 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng trở lên;
- d) Các tài sản khác của Nhà nước có giá trị từ 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng trở lên.

2. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá quy định tại khoản 1 Điều này đã qua đấu thầu hoặc qua Hội đồng xác định giá được thành lập theo quy định của pháp luật thì không nhất thiết phải thẩm định giá. Trong trường hợp cần thiết UBND tỉnh yêu cầu phải thẩm định giá thì cơ quan mua sắm, cơ quan quản lý tài sản phải thực hiện thẩm định giá.

Việc thẩm định giá các tài sản hình thành từ nguồn vốn khác thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá.

VI. KIỂM SOÁT CÁC YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 18. Khi giá hàng hóa, dịch vụ trên thị trường quy định tại Điều 12 Quy định này có biến động bất thường hoặc khi cần thiết phải kiểm soát giá theo yêu cầu quản lý Nhà nước về giá, UBND tỉnh quyết định biện pháp kiểm soát các yếu tố hình thành giá.

Điều 19. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc diện phải kiểm soát các yếu tố hình thành giá

1. Hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh;
2. Hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;
3. Hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá;
4. Các loại hàng hoá, dịch vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh trong trường hợp hàng hoá, dịch vụ có giá bán trên thị trường quá cao hoặc quá thấp bất hợp lý so với mức giá được tính theo đúng các chế độ, chính sách, các định mức kinh tế - kỹ thuật, các quy định về tính giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, xã hội và quyền lợi của người tiêu dùng.

Điều 20. Thủ tục kiểm soát các yếu tố hình thành giá

1. Căn cứ để kiểm soát các yếu tố hình thành giá: là các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính, của cơ quan có thẩm quyền ban hành về quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ, về hạch toán chi phí sản xuất, giá thành, phí lưu thông của hàng hoá, dịch vụ và quy định của pháp luật có liên quan, các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Thẩm quyền kiểm soát: Khi có chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính ban hành quyết định kiểm soát các yếu tố hình thành giá và gửi đến tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại Điều 19 Quy định này và yêu cầu cung cấp các hồ sơ có liên quan, gồm:

a) Phương án tính giá hàng hoá, dịch vụ và mức giá hàng hoá, dịch vụ theo Quy chế tính giá chung do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành liên quan; các tài liệu, chứng từ phục vụ việc lập phương án giá;

b) Tình hình lưu chuyển hàng hoá (tồn kho đầu năm, đầu quý, đầu tháng; nhập và xuất trong năm, trong quý, trong tháng; tồn kho cuối năm, cuối quý, cuối tháng) và cung ứng dịch vụ;

c) Báo cáo tài chính năm liên quan đến việc kiểm soát các yếu tố hình thành giá;

d) Tài liệu khác liên quan đến kiểm soát các yếu tố hình thành giá.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được yêu cầu kiểm soát các yếu tố hình thành giá phải có trách nhiệm phối hợp và cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu theo yêu cầu của Sở Tài chính.

Điều 21. Thời hạn kiểm soát các yếu tố hình thành giá

1. Thời gian một lần kiểm soát tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài chính công bố quyết định kiểm soát các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm soát thì Sở Tài chính phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho tổ chức, cá nhân liên quan; thời hạn kiểm soát kéo dài không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm soát lần đầu;

2. Trong thời hạn tối đa là 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm soát các yếu tố hình thành giá, Sở Tài chính có trách nhiệm ban hành và gửi văn bản thông báo kết luận kiểm soát đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

Điều 22. Các hình thức xử lý

Khi các tổ chức, cá nhân quy định giá hàng hoá, dịch vụ không đúng với các yếu tố hình thành giá theo các quy định về tính giá hàng hoá, dịch vụ của Bộ Tài chính và của cơ quan có thẩm quyền; không đúng với quy định của pháp luật về hạch toán chi phí sản xuất, giá thành, phí lưu thông và các quy định của pháp luật có liên quan, căn cứ kết quả kiểm soát và tùy theo mức độ vi phạm, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh quyết định và công bố xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

VII. ĐĂNG KÝ GIÁ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ

Điều 23. Đăng ký giá, danh mục hàng hoá, dịch vụ và đối tượng phải đăng ký giá

1. Đăng ký giá là việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải đăng ký mức giá bán hàng hoá, dịch vụ do mình quyết định theo quy định bắt buộc và thường xuyên cả khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định giá hoặc điều chỉnh giá trong điều kiện giá thị trường có biến động bất thường và khi giá cả vận động bình thường đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá quy định tại Phụ lục số 1 Quy định này;

Việc đăng ký giá được thực hiện trước khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán sản phẩm lần đầu sản xuất, kinh doanh ra thị trường; trước khi điều chỉnh giá các sản phẩm đã sản xuất, kinh doanh và đang bán bình thường thuộc danh mục phải đăng ký giá hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Danh mục hàng hoá, dịch vụ phải đăng ký giá quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Quy định này;

3. Đối tượng thực hiện đăng ký giá thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 và điểm 4.3 khoản 4 Điều 7 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

Điều 24. Hình thức, nội dung, thủ tục và quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký giá

1. Hình thức, nội dung thủ tục đăng ký giá:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc đăng ký giá dưới hình thức lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi Sở Tài chính theo mẫu quy định thống nhất tại Phụ lục số 6 kèm theo Quy định này.

Thủ tục đăng ký giá và nội dung hồ sơ đăng ký giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước nhận Biểu mẫu đăng

ký giá và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đăng ký giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

96

VIII. KÊ KHAI GIÁ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ

Điều 25. Kê khai giá, danh mục hàng hoá, dịch vụ và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải kê khai giá

1. Kê khai giá là việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải kê khai mức giá bán hàng hoá, dịch vụ do mình quyết định theo quy định bắt buộc và thường xuyên đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá và hàng hoá, dịch vụ do UBND tỉnh quy định cả khi giá thị trường có biến động bất thường và khi giá thị trường vận động bình thường.

Việc kê khai giá được thực hiện trước khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán sản phẩm lần đầu sản xuất, kinh doanh ra thị trường; trước khi điều chỉnh giá các sản phẩm đã sản xuất, kinh doanh và đang bán bình thường thuộc danh mục phải kê khai giá hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Danh mục hàng hoá, dịch vụ phải kê khai giá quy định tại Phụ lục số 3 Quy định này;

3. Đối tượng phải kê khai giá thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 và điểm 4.3 khoản 4 Điều 8 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

Điều 26. Hình thức, nội dung, thủ tục và quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân kê khai giá

1. Hình thức, nội dung thủ tục kê khai giá:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc kê khai giá dưới hình thức lập Biểu mẫu kê khai giá gửi Sở Tài chính theo mẫu quy định thống nhất tại Phụ lục số 7 kèm theo Quy định này.

Thủ tục kê khai giá và nội dung hồ sơ kê khai giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước nhận Biểu mẫu kê khai giá và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kê khai giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

IX. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ GIÁ

Điều 27. Phạm vi công khai thông tin về giá

1. UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tài sản, hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai những thông

tin về giá, bao gồm:

- a) Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của Nhà nước;
- b) Các quyết định giá của cơ quan, tổ chức, cá nhân ban hành theo thẩm quyền;
- c) Các mức giá do các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và các thông tin kinh tế - kỹ thuật liên quan đến hàng hóa, dịch vụ.

Những quy định công khai thông tin về giá không áp dụng đối với những thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

2. Các hình thức công khai:

- a) Hợp báo;
- b) Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Niêm yết giá theo quy định;
- d) Các hình thức khác;
- đ) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện khuyến mại giảm giá thực hiện theo quy định của Luật Thương mại.

3. Trách nhiệm trong việc công khai thông tin về giá:

- a) Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm công khai các văn bản về chế độ, chính sách giá, các quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền;
- b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai giá hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất, cung ứng;
- c) Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa tin chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin theo các quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

Phụ lục số 1**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ**

- 1- Xăng, dầu;
- 2- Xi măng;
- 3- Thép xây dựng;
- 4- Khí dầu mỏ hoá lỏng - LPG;
- 5- Phân bón hóa học;
- 6- Thuốc bảo vệ thực vật;
- 7- Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; Các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin dạng thuốc tiêm, thuốc viên, thuốc bột (tên gốc và tên thương mại);
- 8- Muối do diêm dân sản xuất;
- 9- Sữa;
- 10- Đường ăn (đường trắng và đường tinh luyện)
- 11- Thóc, gạo;
- 12- Thuốc phòng, chữa bệnh cho người bao gồm các loại thuốc thuộc danh mục thuốc chữa bệnh chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế.
- 13- Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;
- 14- Thức ăn chăn nuôi gia súc: ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương.
- 15- Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc dùng cho chăn nuôi lợn thịt và gà thịt.
- 16- Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng để nuôi cá tra, cá ba sa (số 05) có khối lượng từ 200 g/con đến 500 g/con.
- 17- Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng để nuôi tôm sú (số 05) có khối lượng từ 10 g/con đến 20 g/con.
- 18- Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của UBND tỉnh.

Phụ lục số 2**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ**

- 1- Xăng, dầu;
- 2- Xi măng;
- 3- Thép xây dựng;
- 4- Khí dầu mỏ hóa lỏng - LPG;
- 5- Nước sạch cho sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ;
- 6- Phân bón hóa học: phân U rê, DAP, NPK, phân Lân;
- 7- Thuốc bảo vệ thực vật: (tên gốc và tên thương mại)
 - + Thuốc trừ sâu: Fenobucarb (min 96%), Etofenrox (min 96%), Buprofezin (min 98%), Imidacloprid (min 96%), Fipronil (min 96%);
 - + Thuốc trừ bệnh: Isoprothiolane (min 96%), Tricyclazole (min 95%), Kasugamycin (min 70%);
 - + Thuốc trừ cỏ: Glyphosate (min 95%), Pretilachlor, Quinclorac (min 99%).
- 8- Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin dạng thuốc tiêm, thuốc viên, thuốc bột (tên gốc và tên thương mại), Oxytetracycline dạng bột trộn thức ăn gia súc.
- 9- Muối ăn;
- 10- Sữa pha chế theo công thức dạng bột dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;
- 11- Đường ăn: đường trắng và đường tinh luyện;
- 12- Gạo;
- 13- Thức ăn chăn nuôi gia súc: ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương;
- 14- Than;
- 15- Giấy: giấy in, giấy in báo, giấy viết;
- 16- Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;
- 17- Dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007.
- 18- Sách giáo khoa;
- 19- Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.
- 20- Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá (ngoài danh mục trên) theo quy định của UBND tỉnh.

Phụ lục số 3**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ**

- 1- Vật liệu nổ công nghiệp;
- 2- Dịch vụ cảng biển theo danh mục trong Biểu giá dịch vụ cảng biển do tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ cảng biển ban hành;
- 3- Dịch vụ tại cảng hàng không sân bay theo danh mục trong Biểu giá dịch vụ cảng hàng không do Giám đốc cảng hàng không, sân bay ban hành;
- 4- Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá;
- 5- Cước vận tải bằng ô tô và Dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (trừ dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô và các dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh phí và lệ phí) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải;
- 6- Thuốc phòng, chữa bệnh cho người theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2007/TTLT-BYT-BTC-BCT của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người.

Phụ lục 4:

**Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax:

**Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số/.....
V/v thẩm định phương án giá

....., ngàytháng năm

Kính gửi: *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
thẩm định phương án giá, quy định giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ...,

... *(tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá)* đã lập phương án giá về sản phẩm.... *(tên hàng hoá, dịch vụ)* (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị *(tên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá)* xem xét quy định giá... *(tên hàng hóa, dịch vụ)* theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị đề nghị định
giá, điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Đối với hàng hóa nhập khẩu)

Tên hàng hóa

Đơn vị nhập khẩu

Quy cách phẩm chất

Xuất xứ hàng hóa

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP
KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

ST T	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thàn h tiền	So sánh với phương án được duyet lần trước liền kề	Ghi chú
1	Giá nhập khẩu				
2	Thuế nhập khẩu (nếu có)				
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
4	Chi phí bằng tiền khác				
5	Giá vốn nhập khẩu				
6	Lợi nhuận dự kiến				
7	Giá bán dự kiến (ghi rõ giá bán buôn hay bán lẻ)				

**II. BẢNG GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá nhập khẩu trong hồ sơ hàng hóa nhập khẩu đã được cơ quan hải quan nơi hàng hóa được nhập khẩu quy định

2. Tỷ giá tại thời điểm vay ngoại tệ nhập khẩu ở ngân hàng mà doanh nghiệp giao dịch

3. Giá nhập khẩu bằng tiền Việt Nam

4. Thuế nhập khẩu

5. Thuế tiêu thụ đặc biệt

6. Phụ thu (nếu có)

7. Chi phí lưu thông (vận chuyển, bốc xếp, thuê kho bãi, hao hụt,...)

8. Các khoản chi phí khác theo luật định

9. Giá vốn

10. Lợi nhuận

11. Chi phí tiêu thụ (nếu có)

12. Giá bán (chưa có thuế GTGT)

13. Phân tích các yếu tố hình thành giá, mức giá của phương án kiến nghị so với phương án được duyệt lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm; kiến nghị.

(*Ghi chú:* Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành).

**Tên đơn vị đề nghị định
giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Đối với hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất:

Quy cách phẩm chất:

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH
VỤ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Lượng	Đơn giá	Thành tiền	So sánh với phương án được duyệt lần trước liên kế
1	Chi phí sản xuất:					
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp					
1.2	Chi phí tiền công trực tiếp					
1.3	Chi phí sản xuất chung:					
a	Chi phí nhân viên phân xưởng					
b	Chi phí vật liệu					
c	Chi phí dụng cụ sản xuất					
d	Chi phí khấu hao tài sản cố định					
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài					
e	Chi phí bằng tiền khác					
	Tổng chi phí sản xuất :					
2	Chi phí bán hàng (nếu có)					
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp					
	Tổng giá thành toàn bộ					
	Tổng sản lượng					
	Giá thành đơn vị sản phẩm					
4	Lợi nhuận dự kiến					
	Giá bán chưa thuế					
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)					

6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)					
	Giá bán (đã có thuế)					

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế)

8. Phân tích cơ cấu tính giá, mức giá của phương án kiến nghị so với phương án giá được duyệt lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm; kiến nghị.

(*Ghi chú:* Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành).

Phụ lục số 5:

**Tên đơn vị đề nghị
hiệp thương giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

HỒ SƠ HIỆP THƯƠNG GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax:

**Tên đơn vị đề nghị
hiệp thương giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số/
V/v hiệp thương giá

....., ngàytháng năm

Kính gửi: *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ...,

... *(tên đơn vị đề nghị hiệp thương giá)* đề nghị ... *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá)* tổ chức hiệp thương giá... *(tên hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá)* do ... *(tên đơn vị sản xuất, kinh doanh sản xuất hoặc nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ)* (kèm theo phương án giá hiệp thương), cụ thể như sau:

1. Bên bán:.....
2. Bên mua:.....
3. Tên hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá:
- Quy cách, phẩm chất:
- Mức giá đề nghị của bên bán:
- Mức giá đề nghị của bên mua:
- Thời điểm thi hành mức giá:
- Điều kiện thanh toán:.....
4. Nội dung chính của phương án giá hiệp thương:.....
-

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị mua hoặc bán;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị đề nghị
hiệp thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

PHƯƠNG ÁN GIÁ HIỆP THƯƠNG

(kèm theo công văn số/... ngày/.../... của ...)

Tên hàng hóa đề nghị hiệp thương giá:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA,
DỊCH VỤ**

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền	So sánh với phương án hiệp thương thành công lần trước liền kề
1	Chi phí sản xuất					
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp					
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp					
1.3	Chi phí sản xuất chung					
a	Chi phí nhân viên phân xưởng					
b	Chi phí vật liệu					
c	Chi phí dụng cụ sản xuất					
d	Chi phí khấu hao TSCĐ					
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài					
e	Chi phí bằng tiền khác					
	Tổng chi phí sản xuất					
2	Chi phí bán hàng					
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp					
	Tổng giá thành toàn bộ					
4	Lợi nhuận dự kiến					
	Giá bán chưa thuế					
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)					
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)					

	Giá bán (đã có thuế)					
--	----------------------	--	--	--	--	--

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế)

8. Phân tích cơ cấu tính giá, mức giá của phương án kiến nghị so với phương án giá hiệp thương thành công lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm; kiến nghị.

(*Ghi chú:* Khi xây dựng phương án giá hiệp thương phải áp dụng theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành).

Phụ lục 6:**BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ**

**Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm.....

Kính gửi:(Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP,

... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.

2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về Quy chế tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá bán đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

....., ngàytháng năm

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):.....cụ thể như sau:

[illegible]

Tên đơn vị thực hiện đăng ký giá **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA,
DỊCH VỤ**

ST T	Khoản mục chi phí	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần đăng ký trước liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)		
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp		
	Chi phí nhân công trực tiếp		
	Chi phí sản xuất chung		
2	Chi phí bán hàng		
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Tổng giá thành toàn bộ		
4	Lợi nhuận dự kiến		
	Giá bán chưa thuế		
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)		
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)		
	Giá bán (đã có thuế)		

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu.

Phụ lục 7:**BIỂU MẪU KÊ KHAI GIÁ****(Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----Số/.....
V/v kê khai giá

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ...,

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

**Tên đơn vị
thực hiện kê khai giá**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ CỤ THỂ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1/ Mức giá kê khai:

[illegible]

2/ Phân tích nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm giá kê khai của từng mặt hàng.

.....

.....

.....

.....